

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BỐ TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 27-01-2022.

V/v: “Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Séc IẾp - Tù do - H¹nh Phóc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thùy Hương và bà Nguyễn Thị Hải;

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 27 tháng 01 năm 2022, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 77/2021/TLST- HNGĐ, ngày 26 tháng 11 năm 2021; về việc xin ly hôn, tranh chấp nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1978.

Nơi cư trú: Tổ dân phố M, phường Q, thị xã B, tỉnh Q. Có mặt.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1982.

Nơi cư trú: Thôn 5, xã H, huyện B, tỉnh Q. Có mặt.

Đăng ký kết hôn tại: Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Q, số 05, quyển số 03, ngày 27/01/2008.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Văn D trình bày: Chị H và anh D kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Q vào ngày 27 tháng 01 năm 2008; sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng đối xử không tốt với nhau, không tôn trọng, hay cãi vã nhau, tình cảm rạn nứt, chị H bỏ về nhà mẹ ruột sống từ năm 2012 đến nay. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nên anh D xin ly hôn chị H. Hai vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Quốc K, sinh ngày 25/12/2009; Nguyễn Thị Thảo N, sinh ngày 30/10/2012. Sau ly hôn anh D xin được nuôi hai con, không yêu cầu chị H đóng góp phí tổn nuôi hai con; nếu trường hợp giao hai con cho chị H nuôi anh cũng nhất trí và đồng ý đóng góp phí tổn nuôi một con

mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con tròn 18 tuổi. Về tài sản chung và công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh H trình bày: Chị H và anh D kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Q vào ngày 27 tháng 01 năm 2008; sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Anh D giận chị H là vì chị H có mâu thuẫn với gia đình và anh, em của anh D. Chị H đã xin lỗi gia đình anh D và họ cũng đã tha thứ. Nay anh D xin ly hôn chị H không nhất trí, mong muốn đoàn tụ. Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Quốc K, sinh ngày 25/12/2009; Nguyễn Thị Thảo N, sinh ngày 30/10/2012. Vì muốn đoàn tụ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề con chung; Nếu ly hôn chị H xin được nuôi cả hai con, yêu cầu anh D đóng góp phí tổn nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con tròn 18 tuổi. Về tài sản chung và công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp phát sinh giữa chị H và anh D là tranh chấp ly hôn và nuôi con, đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và tranh chấp trên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Bồ Trách, tỉnh Quảng Bình thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh D kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Q vào ngày 27 tháng 01 năm 2008; đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn phát sinh mâu thuẫn vì bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp; tình cảm không thể hàn gắn được; hai anh chị đã sống ly thân. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81 Luật hôn nhân gia đình, xử cho anh Nguyễn Văn D được ly hôn chị Nguyễn Thị Thanh H là có căn cứ.

[3] Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Quốc K, sinh ngày 25/12/2009; Nguyễn Thị Thảo N, sinh ngày 30/10/2012. Nếu ly hôn chị H xin được nuôi cả hai con, yêu cầu anh D đóng góp phí tổn nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con tròn 18 tuổi. Thấy rằng: Hai con chung từ trước tới nay sống với chị H, đã ổn định tình cảm, tâm lý, sinh hoạt và học hành, nên giao cho chị H nuôi dưỡng cả hai con là phù hợp, anh D đóng góp phí tổn nuôi một con là Nguyễn Thị Thảo N mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con tròn 18 tuổi là phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh và ý chí của chị H-anh D, đúng quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung và công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

[5] Về án phí: Anh D chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con để sung công quỹ Nhà nước theo quy định của Pháp luật.

[6] Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên xử, anh Nguyễn Văn D được ly hôn chị Nguyễn Thị Thanh H.

2. Về con chung: Giao hai con chung là Nguyễn Quốc K, sinh ngày 25/12/2009; Nguyễn Thị Thảo N, sinh ngày 30/10/2012 cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh D phải đóng góp phí tổn nuôi một con Nguyễn Thị Thảo N mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) cho đến khi con tròn 18 tuổi tính từ tháng 01/2022.

Cấm chị H ngăn cản anh D quyền thăm nom và chăm sóc con chung.

Khi cần thiết một trong hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con khi có một trong các căn cứ được quy định tại khoản 2 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình.

3. Về tài sản chung và công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn D chịu nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được tính trừ số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí anh D đã nộp tại Biên lai số 0002528, ngày 26/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình. Như vậy, anh D còn phải nộp tiếp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Án xử công khai sơ thẩm, báo cho nguyên đơn và bị đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27/01/2022).

Nơi nhận:

- TAND ND tỉnh Quảng Bình;
- VKS huyện Bố Trạch(2)
- Chi cục THA DS huyện Bố Trạch;
- Chị Nguyễn Thị Thanh H;
- Anh Nguyễn Văn D;
- UBND xã H (để biết);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

-Lưu hồ sơ, vph Tòa án.

Nguyễn Thanh Vân